

Phiếu an toàn hóa chất

Hempadur 35569 Base



Tuân thủ Quy Định (EC) số 1907/2006 (REACH- Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế các Hóa Chất), Phụ lục II, được sửa đổi theo Quy Định (EU) số 2015/830 - Việt Nam

PHẦN 1: Định danh chất/pha chế và công ty/công việc

1.1 Dấu hiệu nhận biết sản phẩm

Tên sản phẩm : Hempadur 35569 Base
Lai lịch sản phẩm : 3556910000
Loại sản phẩm : (chất nền của sơn 2 thành phần)

1.2 Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến nên tránh

Field of application : Ngành kim loại
hỗn hợp có sẵn : 35560 = 35569 10 LI / 98560 3 LI
Mục đích sử dụng : Ứng dụng công nghiệp, Các ứng dụng chuyên nghiệp, Dùng bằng cách phun.

1.3 Các chi tiết về nhà cung cấp bản dữ liệu an toàn

Chi tiết công ty : Công ty TNHH HEMPEL VIETNAM
Nhà xưởng số 30 & 31, Đường số 7
Khu Công nghiệp Long Thành
xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng
nai.
ĐT: +84 251 281 4200
Ngày phát hành : 20 Tháng Tư 2021
Ngày phát hành lần trước : 27 Tháng Sáu 2020.

1.4 Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp (vời giờ hoạt động)
+84 251 281 4200 (08.00-17.00)
Xem Phần 4 của bảng dữ liệu an toàn (các biện pháp cứu
trợ đầu tiên).

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1 Mức xếp loại nguy hiểm

Định nghĩa sản phẩm : Hỗn hợp

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Xi MÒN/KÍCH ỨNG DA - Loại 2
 TỒN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A
 NHẠY DA - Loại 1
 HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 2
Xem phần 11 để biết thêm thông tin chi tiết về hậu quả và triệu chứng liên quan đến sức khỏe.

2.2 Các thành phần của nhãn

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo : Cảnh báo
Cảnh báo nguy cơ : H315 - Gây kích ứng da.
H317 - Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H411 - Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các công bố về phòng ngừa :

Ngăn chặn : Mang găng tay bảo hộ. Mang đồ bảo hộ mắt hoặc mặt. Tránh thổi ra môi trường. Tránh hít thở hơi.
Rửa kỹ lưỡng sau khi xử lý.
Phản ứng : Thu gom chất tràn. Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm và đem giặt trước khi dùng lại. **NẾU BỊ ĐÍNH VÀO DA:**
Hãy rửa sạch bằng nhiều nước. Nếu xảy ra kích ứng hoặc mẩn đỏ da: Hãy tìm chăm sóc hoặc là tư
vấn y tế. **NẾU BỊ ĐÍNH VÀO MẮT:** Súc rửa bằng nước cẩn thận trong vài phút. Gỡ bỏ kính áp tròng
nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Nếu kích ứng mắt vẫn còn dai dẳng: Hãy tìm chăm sóc hoặc là
tư vấn y tế.
Xử lý : Vứt bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.
Thành phần nguy hiểm : Bisphenol A-(epichlorhydrin) epoxy resin MW =< 700
1,6-hexanediol diglycidylether

2.3 Các nguy hại khác

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Các hiểm họa khác không cần phải Không biết chất nào.
được phân loại :

PHẦN 3: Thông tin về thành phần các chất

3.2 Các hỗn hợp

Tên sản phẩm/thành phần	Các dấu hiệu nhận biết	%	Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất)
Episphenol A-(epichlorhydrin) epoxy resin MW =< 700	25068-38-6	≥25 - ≤50	ĂN MÒN/KÍCH ỨNG DA - Loại 2 TÒN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A NHAY DA - Loại 1
1,6-hexanediol diglycidylether	16096-31-4	≥10 - ≤25	HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÀU DÀI) - Loại 2 ĂN MÒN/KÍCH ỨNG DA - Loại 2 TÒN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A NHAY DA - Loại 1
Octadecanoic acid, 12-hydroxy-, reaction products with ethylenediamine	100545-48-0	<1	NHAY DA - Loại 1B

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu

Tổng quát :	Nếu nghi ngờ hay khi triệu chứng không giảm, phải đưa đi bác sĩ. Không được dứt bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu thở không thường xuyên, mất ý thức hoặc chuột rút: Gọi 115 và điều trị ngay lập tức (cấp cứu).
Tiếp xúc mắt :	Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấp mí mắt trên và dưới để rửa. Tìm hỗ trợ y tế ngay.
Hít phải :	Đưa ra ngoài chỗ thoáng khí. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. Nếu bất tỉnh, đặt nằm ở vị trí phục hồi và tìm hỗ trợ y tế.
Tiếp xúc ngoài da :	Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc dùng những chất rửa da đã được công nhận. Đừng sử dụng dung môi hay chất pha loãng.
Nuốt phải :	Nếu nuốt phải, hỏi ý kiến bác sĩ ngay và cho thấy bình chứa hay nhãn hiệu. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Hạ đầu thấp xuống để chất ói mửa ra không chảy lại vào miệng và họng.
Bảo vệ nhân viên sơ cứu :	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

4.2 Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt :	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Hít phải :	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tiếp xúc ngoài da :	Gây kích ứng da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
Nuốt phải :	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

Tiếp xúc mắt :	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
Hít phải :	Không có thông tin cụ thể gì.
Tiếp xúc ngoài da :	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ
Nuốt phải :	Không có thông tin cụ thể gì.

4.3 Dấu hiệu cần thiết phải được bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và điều trị đặc biệt

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị : Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

Điều trị cụ thể : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

5.1 Phương tiện dập tắt

Phương tiện dập tắt : Khuyến cáo: bột chống alcohol, CO₂, bột, nước phun sương.
Không được sử dụng: nước phun thành dòng.

5.2 Các nguy hại đặc biệt nảy sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Các nguy hại từ chất hoặc hỗn hợp : Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ. Vật liệu này độc cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được không chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.

Các sản phẩm dễ gây nguy hiểm do cháy : Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây: cacbon oxit hợp chất halogen hóa ôxit kim loại

5.3 Hướng dẫn cho các nhân viên chữa cháy

Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Đám cháy sẽ sinh sản ra khói đen dày. Tiếp xúc với sản phẩm phân hủy có thể nguy hiểm cho sức khỏe. Để giữ cho các bình chữa đầy kỹ khi bị phơi ra lửa được mát bằng cách xối nước lạnh lên trên các thùng này. Không thả các sản phẩm cháy vào các cống rãnh hoặc dòng nước. Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Quần áo cho nhân viên chữa cháy (kể cả nón bảo hộ, ủng và găng tay bảo hộ) đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN 469 sẽ cho phép có được một mức độ bảo vệ cơ bản trong các sự cố hóa chất.

PHẦN 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

6.1 Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Tham khảo biện pháp bảo vệ liệt kê trong phần 7 và 8. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

6.2 Đề phòng cho môi trường

Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn.

6.3 Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn.

6.4 Tham khảo các mục khác

Xem Mục 1 để biết thông tin liên lạc khẩn cấp.
Xem Mục 8 để biết thông tin về trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
Xem Mục 13 để biết thêm thông tin về việc xử lý chất thải.

PHẦN 7: Yêu cầu về cất giữ

7.1 Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Có chứa các phần tử epoxy. Tránh da tiếp xúc với epoxy và amine có trong sản phẩm, có thể gây ra dị ứng. Tránh hít phải hơi, bụi và hơi sơn khi phun. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Cấm ăn, uống và hút thuốc trong khu vực bảo quản, sản xuất và xử lý hóa chất này. Các thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp: Xem phần 8. Luôn trữ trong thùng chứa có vật liệu chế tạo giống như thùng chứa ban đầu.

7.2 Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ

Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ ở khu mát, thông thoáng, cách xa chất không tương thích và nguồn phát tia lửa. Để tránh xa ra tầm tay với của trẻ em. Giữ khoảng cách với: chất ô xy hoá, chất kiềm mạnh, acid mạnh. Tránh tiếp xúc không được phép. Thùng chứa đã mở phải cẩn thận đóng lại và giữ thẳng đứng để tránh bị rò rỉ

7.3 (Các) hoạt động sử dụng sau cùng cụ thể

Các giải pháp riêng cho lĩnh vực công nghiệp.

PHẦN 8: Tác động lên người và yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Tên sản phẩm/thành phần	Giá trị giới hạn phơi nhiễm
Không biết giá trị về giới hạn phơi nhiễm.	

Quy trình theo dõi đề nghị

Nếu sản phẩm này có những chất có giới hạn về phơi nhiễm, có thể cần theo dõi cá nhân, không khí nơi làm việc hay sinh học để xác định hiệu quả việc thông gió hay các biện pháp kiểm soát khác và/hay nhu cầu cần dùng thiết bị bảo vệ hô hấp. Cần tham khảo các tài liệu về tiêu chuẩn theo dõi, như: Tiêu Chuẩn Châu Âu EN 689 (Không khí nơi làm việc – Hướng dẫn đánh giá phơi nhiễm do hít phải các tác nhân hóa học để so sánh với các giá trị giới hạn và chiến lược đo lường) Tiêu Chuẩn Châu Âu EN 14042 (Không khí nơi làm việc – Hướng dẫn áp dụng và sử dụng các quy trình để đánh giá việc phơi nhiễm với các tác nhân hóa học và sinh học) Tiêu Chuẩn Châu Âu EN 482 (Không khí nơi làm việc – Yêu cầu chung về việc thực hiện các quy trình đo lường các tác nhân hóa học) Cũng cần phải tham khảo các hướng dẫn của quốc gia về các phương pháp xác định những chất nguy hiểm.

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

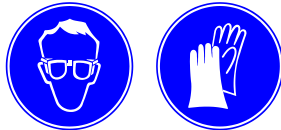
Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Arrange sufficient ventilation by local exhaust ventilation and good general ventilation to keep the airborne concentrations of vapors or dust lowest possible and below their respective threshold limit value. Ensure that eyewash stations and safety showers are proximal to the work-station location.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Tổng quát :

Phải mang găng tay trong tất cả các công việc gây bắn. Phải mặc / mang tạp dề / áo liền quần / quần áo bảo hộ trong những trường hợp áo quần thông thường không đủ bảo vệ da khỏi tiếp xúc hoá chất
Phải sử dụng kính an toàn khi có khả năng nổ.



Biện pháp vệ sinh :

Rửa tay, cạo tay và mặt hoàn toàn sau khi thao tác với hoá chất và trước khi ăn, hút thuốc, sử dụng phòng vệ sinh và vào cuối ngày

Bảo vệ mắt :

Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: kính chống văng hóa chất.

Bảo vệ tay :

Đeo găng tay chống hóa chất (EN374) kết hợp với đào tạo cơ bản cho nhân viên. Chất lượng của găng tay bảo vệ chống hóa chất phải được lựa chọn theo đúng đặc tính của nơi làm việc và hàm lượng các chất độc hại.

Kem này không thay thế găng tay và không nên bôi trước khi mang găng. Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây:

Phơi nhiễm ngắn hạn: cao su thiên nhiên (mủ cao su), polyvinyl alcohol (PVA), polyvinyl chloride (PVC)

Khuyến cáo: Găng tay Bạc Bạc., Cao su butyl, Viton®, cao su nitril

Có thể được sử dụng: cao su neoprene

Bảo vệ thân thể :

Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.

Mặc áo quần bảo hộ phù hợp. Luôn mặc áo quần bảo hộ phù hợp khi phun xịt.

Bảo vệ hô hấp :

Hãy dùng khẩu trang vừa vặn, lọc không khí hoặc tiếp không khí, đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết. Chọn lựa khẩu trang phải dựa trên mức phơi nhiễm đã biết hoặc dự kiến, mỗi nguy của sản phẩm và giới hạn hoạt động an toàn của khẩu trang đã chọn. Mang khẩu trang / dụng cụ phòng độc thích hợp khi không thông thoáng đầy đủ.

Bảo đảm sử dụng dụng cụ đã được chứng nhận / phê chuẩn hay tương đương. Luôn mang dụng cụ phòng độc khi phun xịt. Không cần thiết ghi chính xác loại lọc nào, do tình trạng thực t

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

9.1 Thông tin về các tính chất lý hóa cơ bản

Trạng thái vật lý :	Chất lỏng.
Màu sắc :	Màu trắng.
Mùi :	Giống amin.
pH :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.
Điểm chảy/điểm đông :	-16°C Điều này được dựa trên dữ liệu về thành phần sau đây: bisphenol A-(epichlorhydrin) epoxy resin MW =< 700
Điểm sôi/Vùng nhiệt độ sôi :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.
Điểm bùng cháy :	Cốc đậy kín: 159°C (318.2°F)
Tỷ lệ hóa hơi :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.
Khả năng cháy :	Không có sẵn.
Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên :	Không có thông tin cụ thể gì.
Áp suất hóa hơi :	0 kPa Điều này được dựa trên dữ liệu về thành phần sau đây: bisphenol A-(epichlorhydrin) epoxy resin MW =< 700
Tỷ trọng hơi :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.
Trọng lực cụ thể :	1.521 g/cm ³
(Các) độ tan :	Không hòa tan trong các vật liệu sau đây: nước lạnh và nước nóng.
Hệ số phân chia (LogKow) :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.
Nhiệt độ tự cháy :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.
Nhiệt độ phân hủy :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.
Tính dẻo :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.
Thuộc tính nổ :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.
Thuộc tính oxy hóa :	Thử nghiệm này không liên quan hay không thể do bản chất của sản phẩm.

9.2 Thông tin cần thiết khác

(Các) dung môi % theo trọng lượng Bình quân gia trọng: 0 %

:

Nước % theo trọng lượng : Bình quân gia trọng: 0 %

Chất chứa VOC : 0.018 g/l

TOC Content : Bình quân gia trọng: 0 g/l

: Bình quân gia trọng: 0 m³/l

PHẦN 10: Mức ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

10.1 Khả năng phản ứng

Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.

10.2 Tính ổn định

Sản phẩm ổn định.

10.3 Khả năng gây các phản ứng nguy hại

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.

10.4 Tình trạng cần tránh

Không có thông tin cụ thể gì.

10.5 Các vật liệu không tương thích

10.6 Sản phẩm phân rã có mối nguy

Khi phơi ra nhiệt độ cao, có thể sản sinh sản phẩm phân rã nguy hiểm:

Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây: cacbon oxit hợp chất halogen hóa ôxit kim loại

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

11.1 Thông tin về các tác dụng độc

Sản phẩm chứa epoxy và amine có thể gây ra rối loạn da như bệnh dị ứng chàm bội nhiễm. Sự dị ứng sẽ tăng lên chỉ gia tăng sau thời gian tiếp xúc ngắn

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
Bisphenol A-(epichlorhydrin) epoxy resin MW =< 700	LD50 Ngoài da	Thỏ	>2000 mg/kg	-
	LD50 Ngoài da	Chuột	>2000 mg/kg	-
titanium dioxide	LD50 Đường miệng	Chuột	>2000 mg/kg	-
	LC50 Hít phải Bụi và sương	Chuột	>6.8 mg/l	4 giờ
1,6-hexanediol diglycidylether	LD50 Ngoài da	Thỏ	>5000 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	>5000 mg/kg	-
	LD50 Ngoài da	Chuột	>2000 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	2190 mg/kg	-

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Đường miệng mg/kg	Ngoài da mg/kg	Hít vào (các chất khí) ppm	Hít vào (các chất hơi) mg/l	Hít vào (bụi và các thể sương) mg/l
Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.					
Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.					

Kích ứng/Ăn mòn

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Điểm	Sự phơi nhiễm
Bisphenol A-(epichlorhydrin) epoxy resin MW =< 700	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	-
	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	-
titanium dioxide	Da - Kích ứng nhẹ	Con người	-	72 giờ 300 Micrograms Intermittent
	Da - Gây dị ứng	Thỏ	-	-
1,6-hexanediol diglycidylether	Mắt - Gây dị ứng	Thỏ	-	-
	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	-
Octadecanoic acid, 12-hydroxy-, reaction products with ethylenediamine	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	-
	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	-

Chất làm nhạy

Tên sản phẩm/thành phần	Cách phơi nhiễm	Loài	Kết quả
bisphenol A-(epichlorhydrin) epoxy resin MW =< 700	da	Chuột thí nghiệm	Nhạy cảm
	da	Chuột thí nghiệm	Nhạy cảm

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Tên sản phẩm/thành phần	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
Không có hậu quả đã biết nào theo cơ sở dữ liệu của chúng tôi.			

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Tên sản phẩm/thành phần	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
Không có hậu quả đã biết nào theo cơ sở dữ liệu của chúng tôi.			

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả
Không có hậu quả đã biết nào theo cơ sở dữ liệu của chúng tôi.	

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra

Đường xâm nhập lượng trước được: Đường miệng, Ngoài da, Hít phải.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Nhạy cảm : Chứa bisphenol A-(epichlorhydrin) epoxy resin MW =< 700, 1,6-hexanediol diglycidylether, Octadecanoic acid, 12-hydroxy-, reaction products with ethylenediamine. Có thể sản sinh dị ứng.

Thông tin cần thiết khác : Không có hậu quả đã biết nào theo cơ sở dữ liệu của chúng tôi.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

12.1 Độc Tính

Đừng để chảy vào cống hay dòng nước. Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
bisphenol A-(epichlorhydrin) epoxy resin MW =< 700	Cấp tính EC50 >11 mg/l	Tảo	72 giờ
	Cấp tính EC50 2.1 mg/l Cấp tính LC50 3.1 mg/l	Daphnia - Daphnia magna Cá - fathead minnow (Pimephales promelas)	48 giờ 96 giờ
titanium dioxide	Cấp tính LC50 >100 mg/l	Daphnia	48 giờ
1,6-hexanediol diglycidylether	Cấp tính LC50 >100 mg/l	Cá	96 giờ
	Cấp tính EC50 23.1 mg/l Cấp tính LC50 47 mg/l	Tảo Daphnia	48 giờ 48 giờ
Octadecanoic acid, 12-hydroxy-, reaction products with ethylenediamine	Cấp tính LC50 30 mg/l Cấp tính EC50 >100 mg/l	Cá Tảo	96 giờ 72 giờ
	Cấp tính EC50 >10 mg/l Cấp tính EC50 >10 mg/l	Daphnia Cá	48 giờ 96 giờ

12.2 Độ bền và khả năng phân hủy

Tên sản phẩm/thành phần	Thử nghiệm	Kết quả	Liều lượng	Chất tiềm chùng
bisphenol A-(epichlorhydrin) epoxy resin MW =< 700	OECD 302B Inherent Biodegradability: Zahn-Wellens/EMPA Test	12 % - Không dễ - 28 ngày	-	-
1,6-hexanediol diglycidylether	OECD 301D Ready Biodegradability - Closed Bottle Test	47 % - Vốn đã - 28 ngày	2 mg/l	-
Octadecanoic acid, 12-hydroxy-, reaction products with ethylenediamine	OECD 301D Ready Biodegradability - Closed Bottle Test	22 % - Không dễ - 28 ngày	-	-

Tên sản phẩm/thành phần	Chu kỳ bán phân rã dưới nước	Quang phân	Tính bị vi khuẩn làm thối rữa
bisphenol A-(epichlorhydrin) epoxy resin MW =< 700	-	-	Không dễ
1,6-hexanediol diglycidylether	-	-	Vốn đã
Octadecanoic acid, 12-hydroxy-, reaction products with ethylenediamine	-	-	Không dễ

12.3 Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần	LogP _{ow}	BCF	Tiềm năng
bisphenol A-(epichlorhydrin) epoxy resin MW =< 700	2.64 - 3.78	31	thấp
1,6-hexanediol diglycidylether	0.822	3.57	thấp
Octadecanoic acid, 12-hydroxy-, reaction products with ethylenediamine	5.86	-	cao

12.4 Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (K_{oc}) : Không có hậu quả đã biết nào theo cơ sở dữ liệu của chúng tôi.

Tính cơ động : Không có hậu quả đã biết nào theo cơ sở dữ liệu của chúng tôi.

12.5 Kết quả đánh giá PBT (Độ Bền, Tích Tụ Sinh Học, và Độc) và vPvB (Độ Bền Rất Cao, Tích Tụ Sinh Học Rất Nhiều)

This mixture does not contain any substances that are assessed to be a PBT or a vPvB.

12.6 Hậu quả xấu khác

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

PHẦN 13: Yêu cầu trong việc thải bỏ

13.1 Các phương pháp xử lý chất thải







Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Phần còn lại của sản phẩm coi như chất thải độc hại. Xử lý loại bỏ theo những qui định phù hợp của địa phương. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền.

Đóng gói

Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được.

PHẦN 14: Yêu cầu trong vận chuyển

Giao thông vận tải có thể diễn ra theo quy định quốc gia hoặc ADR cho vận chuyển bằng đường bộ, RID đối với vận chuyển bằng xe lửa, IMDG cho vận chuyển bằng đường biển, IATA cho vận chuyển bằng đường hàng không.

	14.1 Số UN	14.2 Tên thích hợp khi vận chuyển bằng tàu thuyền	14.3 (các) nhóm nguy hại vận chuyển		14.4 PG*	14.5 Env* Thông tin bổ sung
Phân loại ADR/RID	UN3082	Hoá chất có hại môi trường, chất lỏng (bisphenol A-(epichlorhydrin) epoxy resin MW =< 700)	9	 	III	Vàng.
Phân loại IMDG	UN3082	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (bisphenol A-(epichlorhydrin) epoxy resin MW =< 700). (bisphenol A-(epichlorhydrin) epoxy resin MW =< 700)	9	 	III	Yes. This product is not regulated as a dangerous good when transported in sizes of ≤5 L or ≤5 kg, provided the packagings meet the general provisions of 4.1.1.1, 4.1.1.2 and 4.1.1.4 to 4.1.1.8. Emergency schedules F-A, S-F
Phân loại IATA	UN3082	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (bisphenol A-(epichlorhydrin) epoxy resin MW =< 700)	9	 	III	Yes. This product is not regulated as a dangerous good when transported in sizes of ≤5 L or ≤5 kg, provided the packagings meet the general provisions of 5.0.2.4.1, 5.0.2.6.1.1 and 5.0.2.8.

PG* : Quy cách đóng gói

Env.* : Môi nguy cho môi trường

14.6 Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng

Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng: luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

14.7 Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO

Không áp dụng.

PHẦN 15: Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ

15.1 Quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường riêng cho chất hoặc hỗn hợp

PHẦN 16: Thông tin cần thiết khác

Các chữ viết tắt và từ viết tắt bằng chữ đầu :
ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
DNEL = Mức không tác động dẫn suất
PNEC = Nồng độ không tác dụng được dự đoán
RRN = Số đăng ký REACH

Phân Loại theo Hệ Thống GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Phân loại	Cơ sở lý luận
<input checked="" type="checkbox"/> IRIT MÒN/KÍCH ỨNG DA - Loại 2 TỖN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A NHAY DA - Loại 1 HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 2	Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán

Người đọc lưu ý

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Modified data or content compared with the previous version are marked with a triangular marker in the upper-left corner within the Safety Data Sheet.

The information contained in this safety data sheet is based on the present state of knowledge and EU and national legislation. It provides guidance on health, safety and environmental aspects for handling the product in a safe way and should not be construed as any guarantee of the technical performance or suitability for particular applications.

It is always the duty of the user/employer to ascertain that the work is planned and carried out in accordance with the national regulations.